

VÔ MINH

Giảng tại trường hạ Phổ Đà TP. HCM

ngày 25-6-2000 - Canh Thìn

Hôm nay tôi được mời về giảng cho Ni chúng cũng như quý Phật tử một thời pháp. Tôi thường nói, làm sao cho tất cả người phát tâm tu đều biết được chánh pháp và thực hành đúng chánh pháp, đó là nguyện vọng của tôi.

Đề tài của thời pháp này là Vô minh. Khi biết rõ vô minh rồi, chúng ta mới có thể tìm cách tiêu diệt nó. Tiêu diệt được vô minh rồi, chúng ta sẽ giải thoát sanh tử. Chúng ta ai cũng biết trong mười hai nhân duyên, đức Phật nói cái đầu là vô minh. Từ vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử ưu bi khổ não.

Như vậy đau khổ cuối cùng của sanh già bệnh chết gốc từ vô minh mà ra. Vì vậy chúng ta muốn tu cho được kết quả, tu đến giải thoát sanh tử thì gốc vô minh chúng ta phải biết rõ. Biết rõ rồi chúng ta trừ diệt nó. Như vậy mới là người biết cội gốc tu hành.

Trước tiên, tôi định nghĩa vô minh là gì? Vô là không, minh là sáng. Vô minh tức là không sáng. Cái khổ của sanh tử gốc từ vô minh mà ra. Vô minh hiểu theo nghĩa mê lầm, đen tối là nghĩa đen. Vô minh còn có nghĩa khác mà trong kinh đức Phật giải thích rất rõ ràng.

Nghĩa khác thế nào? Như đức Phật dạy trong các kinh A Hàm: "Thấy các pháp, không biết đúng như thật gọi đó là vô minh". Nghĩa là chúng ta thấy mọi sự vật ở trên đời mà không biết đúng như thật, chỉ biết bằng cách tưởng tượng sai lầm, đó là vô minh. Cho nên trong các bộ kinh A Hàm luôn luôn nói "vô minh là không thấy, không biết đúng như thật". Nói rõ hơn không biết, không thấy đúng như thật pháp Tứ đế: khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế, gọi là vô minh. Đó là lời giải thích trong kinh A Hàm.

Kinh Viên Giác giải nghĩa khác, có một vị Bồ-tát hỏi: "Bạch Thế Tôn, thế nào là vô minh?". Phật dạy:

"Vô minh nghĩa là đối với thân tứ đại duyên hợp tưởng lầm là thật, là quý. Đối với tâm duyên theo bóng dáng sáu trần cho đó là tâm thật. Như vậy là vô minh". Chấp thân tứ đại là thật, chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh. Tôi xin hỏi Ni chúng và Phật tử ở đây, quý vị có vô minh không? Chắc ai cũng đồng ý có vô minh. Tại vì tất cả đều thấy thân mình là thật, thấy tâm nghĩ tưởng việc này, việc nọ là tâm mình thật. Thấy hai cái đó thật là vô minh.

Chúng ta vì vô minh lôi dẫn mà sanh tử đến ngày nay không dừng. Người tu Phật là người cầu được phước lên cõi trời, hay cầu đời sau sang giàu? Người tu Phật là người cầu giải thoát sanh tử. Muốn giải thoát sanh tử thì phải dẹp sạch vô minh. Nếu không hết vô minh thì không làm sao ra khỏi sanh tử được.

Vì vậy tất cả chúng ta đều phải cố gắng, đều phải nhận định cho chín chắn, rõ ràng về vô minh. Nếu không biết nó, không dẹp nó thì muôn kiếp tu là tu, chớ không ra khỏi sanh tử được. Nên bài giảng này rất quan trọng đối với việc tu hành của chúng ta. Quý vị cố gắng nghe thật kỹ, nhớ thật rõ để ứng dụng tu thì sẽ có lợi lạc lớn.

Nhà Phật chia vô minh làm hai phần: Căn bản vô minh và chi mạng vô minh. Căn bản là cội gốc, chi mạng là ngọn ngành hay nhánh nhóc. Trong mười hai nhân duyên cái gì là căn bản vô minh, cái gì là chi mạng vô minh? Thường ai cũng biết Phật nói vô minh duyên hành. Tức từ vô minh phát ra nghiệp, nghiệp dẫn thần thức đi thọ sanh v. v... Vậy vô minh ban đầu là gốc của sanh tử, nên gọi là căn bản vô minh.

Kể đến cái gì là chi mạng vô minh? Chúng ta thử ôn lại: vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ... Ái và thủ chính là chi mạng vô minh.

Bây giờ chúng ta tu, không thể diệt được căn bản vô minh vì căn bản vô minh là vô minh ban đầu, nó thuộc về quá khứ đã qua rồi. Nên hiện tại chúng ta tu là làm sao tiêu diệt được chi mạng vô minh. Phá được chi mạng vô minh rồi thì chúng ta sẽ dứt được sanh tử. Còn nếu chưa phá được nó thì chúng ta đi mãi trong sanh tử.

Trở lại căn bản vô minh. Như trong kinh A Hàm nói: "Biết không đúng như thật về khổ đế, tập đế, diệt đế, đạo đế gọi là vô minh". Tất cả quý vị đối với Tứ đế đã biết đúng như thật chưa? Nếu biết đúng như thật về Tứ đế thì chúng ta đã ngộ, đã nhận được giáo lý giải thoát của pháp Tứ đế dạy rồi. Nhưng bây giờ chúng ta còn mơ màng, chưa nhận chân sự thật nên chưa hiểu thấu được lý Tứ đế.

Trong Tứ đế, đế đầu tiên là Khổ đế. Chúng ta thấy cuộc đời này khổ hay vui? Khổ. Nhưng chỉ khổ lúc có người làm phiền, làm cho ta tức giận thôi. Còn lúc được người tặng tiu, khen ngợi đâu có khổ. Nghĩa là chỉ khổ lúc buồn tủi, còn khi được tán thán khen ngợi thì quên khổ.

Phật nói Khổ đế vì tất cả con người sanh ra trên thế gian này có tám thứ khổ, gồm bốn phần thuộc vật chất: sanh, lão, bệnh, tử và bốn phần thuộc tinh thần: ái biệt ly, oán tắng hội, cầu bất đắc, ngũ ấm xí

thạnh. Trong tám khổ, chúng ta có ai qua khỏi khổ?

Xét về thân thì ai rồi cũng già, cũng bệnh, cũng chết. Quý vị thấy già khổ không? Khổ. Bệnh khổ không? Khổ. Chết khổ không? Khổ. Nhưng sao tôi già, tôi không khổ. Già khổ nếu mình không biết tu. Bởi không biết tu nên thấy thân hơi mồm, bệnh yếu, rồi đi đứng lọng cọng... đủ thứ hết nên thấy khổ.

Nếu biết tu thì già là một lẽ thật, nó phải tới tự nhiên thôi, không ai trốn tránh được, kể cả Phật cũng không trốn được. Nếu Phật trốn được thì thân tứ đại của Ngài đâu có mất. Ai có thân thì cũng phải già bệnh chết. Vì đó là qui luật của thế gian, chúng ta không ai chối cãi được. Đã là qui luật thì sợ có khổ được không? Nếu không khỏi được thì sợ chi cho vô ích. Thay vì sợ mình cười chơi cho vui, khoẻ hơn không. Như vậy thì đâu có gì khổ. Tại chúng ta sợ nó cho nên khổ. Nên biết già chỉ khổ đối với những người không biết tu thôi.

Đến bệnh khổ, tại sao bệnh khổ? Ví dụ như đau bụng có khổ không? Khổ toàn thân hay chỉ cái bụng khổ? Đau chỗ nào thì khổ chỗ đó thôi. Lâu nay chúng ta hay hiểu lầm, cứ nghĩ đau cái chân thì cả thân đều đau nên rên rĩ "đau quá chịu không nổi". Nếu hỏi cái gì đau thì nói "tôi đau". Nhưng thật ra tôi đau hay cái chân đau? Chân đau thì chỉ đau một chút dưới chân, còn các một bộ phận khác đâu có đau. Nếu bụng đau thì chỉ một chút ở bụng, còn các chỗ khác đâu có đau, tại sao phải khổ dữ vậy?

Chúng ta có bệnh đồng hóa khi chân đau nghĩ là mình đau, nên quần quai rên xiết. Cái đau chỉ ở một nơi, một chốn chứ không phải mình. Mình là cái gì quý vị biết không? Nếu mình là tứ đại thì mai một tứ đại hết thờ, mình đi đâu, có còn không? Tứ đại là mình thì tứ đại này, mình cũng phải rã theo chứ. Nhưng tứ đại này rã không phải là hết, mình vẫn còn. Cho nên tứ đại đau chứ mình đâu có đau.

Có một Thiền sư khi bệnh, thầy Tri sự vô thăm hỏi:

- Hoà thượng bệnh, có cái không bệnh chăng?

Thiền sư trả lời:

- Có.

Thầy Tri sự hỏi tiếp:

- Cái gì không bệnh?

Thiền sư kêu lên:

- Ui da, ui da.

Như vậy là sao? Bệnh chỉ là thân thôi, cái biết rên "ui da" đó không có bệnh. Chúng ta bệnh, chúng ta khổ nhưng còn có cái không bệnh không khổ mà mình không biết. Vì vậy chúng ta cứ lầm lẫn một bộ phận đau coi như toàn thân đau, rồi khổ sở, lăn lóc rên rĩ. Nếu bộ phận nào đau, chúng ta cứ nhìn xem nó đau ra sao. Ví dụ chân đau, nhìn xem nó đau ra sao. Nhìn một hồi nó quên đau. Còn nếu mình quần quai rên rĩ thì đau cả người.

Chúng ta tu phải có nhận định đúng đắn không sai lầm thì hết khổ. Nhiều người hay nói, mấy cô còn nhỏ đau, thì bệnh chừng năm mà thêm cái nhõng nhẽo nữa. Bệnh chừng năm mà rên quá nên thành mười. Đó là không can đảm, không sáng suốt. Chúng ta bệnh phải nhìn lại, xem nó hành làm sao, đau như thế nào. Phải luôn luôn can đảm thấy rằng đau là một bộ phận đau, chứ mình không đau, như vậy sẽ bớt đau. Được thế thì đau không còn khổ nữa. Ngược lại, nếu thấy đau là mình thì khổ liên miên. Nay nhức đầu, mai đau bụng, lúc nào cũng thấy khổ. Như vậy bệnh là khổ.

Đến chết có khổ không? Phật nói chết là khổ, đó là nói theo con mắt của thế gian. Bởi vì người phạm tục rất quý thân, lúc nào cũng muốn sống mà bây giờ phải chết thì khổ. Vậy chết khổ là đối với người quý chuộng thân, muốn giữ nó mãi. Còn người tu đạt đạo rồi, chết không có khổ. Cho nên người thế gian gần chết thì khóc rên giã giụa, còn các Thiền sư chết thì cười.

Vậy chết nhất định là khổ chăng? Không hẳn thế. Người nào nhận chân được lẽ thật, thấy được chân lý rồi thì không khổ. Người nghĩ thân này là mình, mất rồi không còn nữa thì người đó sẽ khổ. Thân này giả dối, tạm bợ, đủ duyên nó tụ, hết duyên nó tan, còn cái chân thật của mình không tan không mất bao giờ. Nên khi thân sắp tan, nhìn nó cười thì không có gì sợ hết.

Phật nói Khổ đế là căn cứ trên người mê lầm. Nếu chúng ta khéo tu, vượt qua không còn chấp thân nữa thì không còn khổ. Cho nên người tu là người không khổ. Nhưng bây giờ người tu còn khổ hay hết khổ? Chắc là còn khổ. Sao dở vậy? Tu là để giải khổ hết khổ, mà mình tu lại khổ. Tại sao? Tại tu mà chưa lãnh hội được nguồn cội của Phật dạy cho nên thấy khổ.

Người hiểu thấu đạo lý rồi, mỗi ngày tu là mỗi ngày vui. Đi đâu cũng cười hoài vì được tu là chuyện hy hữu. Ở thế gian bao nhiêu thứ trói buộc, vô chùa đâu có gì trói buộc. Thành thời tự tại quá, mà khổ là sao? Khổ là tại vì thấy người này được thầy thương, còn mình không được thương nên buồn giận sanh khổ. Thấy người kia được Phật tử cúng dường, còn mình không ai cúng hết nên khổ. Khổ này là do bị thử nhân ngã mà sanh.

Chúng ta nhớ người xuất gia là hành hạnh siêu thoát, kẻ trần tục không làm được. Phật tử ham tu, nhưng vẫn còn bị gia đình trói buộc, không tự do. Nhìn lại quý thầy quý cô thành thời quá, họ khen thầy cô thật là phước lớn. Được khen mà quý vị lại than khổ. Người ta mơ ước như mình, mà mình được rồi lại khổ là chuyện vô lý quá.

Là người tu, chúng ta phải biết lý do gì mình đi tu. Tu để tiến tới đâu, cầu cái gì? Thấy cho rõ như vậy thì sự tu hành mới tới nơi tới chốn, mới giải thoát sanh tử được. Nếu cứ nhìn theo tâm phàm tục thương ghét v. v... thì quý vị sẽ khổ hoài, không bao giờ hết khổ. Như vậy Khổ đế là do chúng ta chưa thấy được như thật. Đó là tôi nói căn bản vô minh để quý vị nắm đại khái.

Kể đến tôi nói về chi mạng vô minh.

Tất cả chúng ta đã bị vô minh thúc đẩy tạo thành hành nghiệp dẫn đi trong sanh tử nhiều đời. Bây giờ đã có thân thì đối với cái vô minh ban đầu không thể dẹp vì nó thuộc về quá khứ. Cho nên dẹp là dẹp chi mạng vô minh, tức cái ngọn ngành trong hiện đời. Vậy ngọn ngành của vô minh là gì? Là ái, thủ.

Ái là ái cái gì? Thường trong nhà Phật nói ái nặng nhất, nguy hiểm nhất là ái ngã. Ái ngã tức là thương mình, thương mình là số một. Trong truyện xưa, vua Ba Tư Nặc hỏi Mạt Lợi phu nhân: "Trên thế gian này ái khanh thương ai nhiều nhất?" Vua nghĩ hồi vậy, phi sẽ trả lời: "Thương Bệ hạ nhiều nhất". Nhưng ngược lại bà nói: "Thiếp thương mình nhiều nhất". Vua thất vọng hỏi: "Tại sao ái khanh thương mình nhiều nhất nên thiếp mới quý trọng Bệ hạ, bởi Bệ hạ làm cho thiếp được sung sướng, giàu sang". Vua nghe thấy có lý, nên gặt đầu khen phải.

Rõ ràng như bà phi đã nói, bà thương vua là vì bà, chứ không phải vì vua. Quý vị ở đây có ai thương người khác nhiều hơn thương mình không? Chắc là không. Ví dụ mình bệnh, có huynh đệ chăm sóc chu đáo. Mình thấy huynh đệ đó tốt nên thương. Do người đó săn sóc mình trong lúc bệnh nên mình mới thương, chứ đâu phải bỗng dưng mà thương. Vậy thương người đó là qua mình, chứ đâu phải tự người đó được thương.

Xét kỹ tất cả cái thương người khác đều là qua mình hết, không bao giờ người ta chửi mình mà mình thương họ. Dầu người đó tu hay cũng mặc, hễ họ mắng nhiếc mình thì mình vẫn không thương như thường. Vậy thương mọi người đều qua cái ngã của mình. Cho nên nói ái ngã là số một. Bởi thương mình nhiều, nên thân này sắp hoại mình khổ, khổ vì sợ mất nó. Do đó khi nó hoại rồi, mình hoảng tìm thân khác để tựa vào, vô minh sanh hành là như thế.

Từ vô minh chi mạng là ái ngã, nên tìm thân khác để tựa vào rồi sanh ra ngã kế tiếp, vì vậy nó dẫn mình đi trong sanh tử. Do ái ngã mà sanh tử tiếp nối không cùng. Dẹp được ái ngã thì vòng sanh tử đời sau không còn. Nếu dẹp không được thì khó mà đi trên đường giải thoát. Tuy nhiên dẹp ái ngã là chuyện rất cay đắng. Mặc dù nó không ra gì nhưng dẹp nó rất khó, bởi vì ai cũng thương mình hết. Thương mà muốn dẹp thì làm sao dẹp được? Phải không thương mới có thể dẹp chứ. Do đó Phật dạy phương pháp để chúng ta không thương ngã nữa.

Phật dạy thân này vô ngã, tức không có cái ta thật. Nếu biết thân này không có cái ta thật thì bớt thương nó. Còn thấy thân này là ta thì nhất định phải thương, không nghi ngờ. Vì vậy Phật dạy phải quán các pháp vô ngã. Các pháp vô ngã thì thân này cũng vô ngã. Không có cái thật ta thì thương cái gì. Nhờ thế phá trừ được ngã chấp.

Do ái ngã nên tất cả vật chung quanh ngã, mình cũng ái theo. Ái ngã nên ái luôn sở hữu của ngã. Mình thương mình nên mới thích đồ ăn ngon, nếu không thương mình thì ăn cái gì cũng được. Thương mình nên mới thích mặc đồ đẹp. Tóm lại tất cả những gì đáp ứng cho ngã sử dụng được tốt, được vừa ý thì mình thương hết. Cho nên nói ái ngã thì ái pháp.

Nếu không ái ngã thì có ái pháp không? Ví dụ mình coi mình không ra gì, khi thấy người ta có món ăn ngon mình đâu cần xin. Còn thấy thân này quý, nên người ta có món ăn ngon mình cũng thèm, thèm thì muốn xin. Vì quý ngã nên phải tìm những vật dụng bổ túc cho ngã được sung mãn. Cho nên thương mình thì sẽ thương tất cả sự vật chung quanh mình, đó gọi là ái ngã và ái pháp. Đây chính là nhân để đi trong sanh tử luân hồi. Phật dạy muốn dứt sanh tử phải phá trừ ngã. Ngã hết thì sanh tử theo đó mà dứt. Ngã còn thì sanh tử không bao giờ hết được. Đó là một lẽ thật.

Tôi nói qua về vô minh căn bản và vô minh chi mạng rồi.

Từ vô minh ban đầu đưa đẩy chúng ta đi vào vòng sanh tử. Đã đi trong sanh tử rồi thì phải chịu đau khổ. Vì vậy chúng ta tu là làm sao biết rõ gốc vô minh, để chuyển từ mê làm sanh tử trở về giải thoát an lạc, đó là minh. Trong kinh Pháp Hoa có nói: Chàng cùng tử bỏ cha mẹ đi lang thang, đi mãi. Càng đi thì càng khổ sở, càng nghèo túng. Đến lúc anh ta cảm thấy xa cha mẹ khổ quá muốn quay đầu trở về. Trở về và được cha trao cho gia tài rồi thì trở thành ông trưởng giả giàu có, sang trọng.

Như vậy do đâu mà chàng cùng tử bỏ cha mẹ ra đi? Do niệm sai lầm ban đầu tức là vô minh. Từ niệm sai lầm ban đầu dẫn chúng ta đi trong đau khổ không cùng. Khi biết lang thang lẫn lộn là khổ,

muốn trở về tìm cha cho bớt khổ. Xoay trở về tìm cha là hơi mình một chút rồi đó. Bỏ cha mẹ ra đi là vô minh. Khi thức tỉnh, giặt mình xoay về tìm cha là mình.

Vậy mình là nhân đưa mình đến chỗ hết khổ đau, vô minh là nhân dẫn mình đi tới khổ đau. Người tu phải tiêu diệt vô minh để trở về với mình. Vô minh sạch rồi thì đau khổ theo đó hết, vô minh càng nhiều thì đau khổ càng đậm. Nên chúng ta phải thức tỉnh, phải trở về được với cái mình.

Muốn trở về với cái mình phải làm sao? Ngày trước chàng cùng tử bỏ cha đi càng xa càng khổ, bây giờ trở về gặp cha thì càng về gần càng ít khổ. Tới chừng gặp được cha rồi, được trao gia tài thì hoàn toàn hết khổ. Chúng ta do vô minh lời dẫn, đưa đẩy đi trong sanh tử triền miên, không có ngày cùng. Cho nên khi thức tỉnh được trở về, là đi trên con đường mình, con đường ánh sáng rồi đó. Ni chúng đang tu hành như vậy là đang từ bỏ vô minh để hướng về mình. Biết trở về và trở về đến nơi đến chốn thì quý vị hết khổ. Đó là điều hết sức rõ ràng.

Nếu chúng ta mê thì cứ thả trôi muôn đời muôn kiếp trong sanh tử. Một khi tỉnh tìm về đường giải thoát rồi thì hết mê. Tôi dẫn lời đức Phật dạy về vô minh trong kinh Viên Giác: "Cái gì là vô minh? Thấy thân tứ đại là thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là thật, đó là vô minh". Thân là do tứ đại hợp mà thấy là mình thật, tâm duyên theo bóng dáng sáu trần mà cho là tâm mình thật. Hai thứ chấp đó là vô minh.

Bây giờ muốn mình phải làm sao? Phải xả. Xả thế nào? Chẳng lẽ tự tử. Không phải vậy. Biết như thế rồi, ta quán chiếu thấy rõ thân tâm này không thật, nên không đắm luyến, không sợ mất nó. Như vậy là mình.

Người mê với người tỉnh khác nhau chỗ nào? Ví dụ trong nhà có đèn sáng, bên ngoài trời tối. Nếu mở cửa thì ánh đèn chiếu sáng ra ngoài. Một người đứng ở cửa nhìn ra ngoài thấy tối, nhìn ngược vô trong thấy sáng. Nếu nhìn ra ngoài rồi cứ phóng đi mãi thì càng đi càng tối. Tối mãi cho đến chừng nào thấy sợ thì quay trở lại ánh sáng. Càng về gần thì càng sáng nhiều, đến khi bước vô cửa nhìn thấy trong nhà đèn sáng choang. Cũng vậy ai thả trôi thân mình, tâm mình theo vòng sanh tử thì cứ chìm đắm mãi không cùng. Ai biết xoay trở lại tìm về ánh sáng ban đầu sẽ được sáng.

Người đứng ở cửa nhìn ra thì tối, xoay vô thì sáng, vậy tối sáng cách nhau bao xa? Chỉ là biết xoay đầu. Xoay đầu lại thì sáng, nhìn ra thì tối. Người xưa thường nói: "hồi đầu thị ngạn", tức xoay đầu lại là bờ giác, nhìn ra ngoài là bên mê. Mê và giác chỉ là một cái xoay đầu. Thả trôi theo dòng tối thì tối mãi, biết xoay ngược trở lại tìm về ánh sáng thì sẽ

được sáng. Tất cả chúng ta tu là phải làm sao chính mình thức tỉnh, chính mình giác ngộ. Thức tỉnh, giác ngộ là không còn mê mà trở về giác.

Chúng ta cạo tóc vào chùa tu là đã thức tỉnh, bỏ lối mê quay về con đường sáng. Đã về đường sáng thì còn muốn quay lại lối mê nữa không? Chắc không bao giờ dám quay lại. Mà phải cấm đầu đi thẳng cho đến bao giờ về đến nơi, thấy và sống trong ngôi nhà sáng sửa ấy mới yên lòng. Đó là mục đích của người tu.

Muốn trở về con đường sáng phải làm sao? Tôi nói lại Phật dạy: "Chấp thân năm uẩn này là ta, đó là vô minh. Chấp tâm duyên theo bóng dáng sáu trần là tâm, đó là vô minh". Do đó, muốn trở về con đường sáng chúng ta phải phá hai thứ chấp này. Phá chấp bằng cách tu theo Bát-nhã. Bát-nhã là trí tuệ, trí tuệ là sáng.

Bát-nhã chia làm ba phần: Văn tự Bát-nhã, Quán chiếu Bát-nhã và Thật tướng Bát-nhã. Ví dụ người muốn qua sông nên phải xuống thuyền. Mục đích xuống thuyền là để qua sông. Nhưng xuống thuyền rồi cứ ngồi ì trên đó hoài, không chèo không bơi thì chừng nào qua tới bờ bên kia? Xuống thuyền rồi kể đó phải chèo, phải cầm dầm bơi thì mới đưa thuyền đến bờ kia được. Chiếc thuyền dụ cho Văn tự Bát-nhã, chèo dầm dụ cho Quán chiếu Bát-nhã, đến bờ bên kia là Thật tướng Bát-nhã, tức cái thể chân thật. Ngồi trên thuyền không chèo quạt chắc tới thuyền mục qua cũng không được, đó là điều hết sức rõ.

Nếu quý vị chỉ tụng kinh chứ không quán chiếu gì hết, chỉ là Văn tự Bát-nhã. Trong Bát-nhã chỉ nơi câu này mà khéo tu thì sẽ hết khổ: "Quán Tự Tại Bồ-tát hành thâm Bát-nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhứt thiết khổ ách". Chúng ta đọc thuộc lòng mà chưa bao giờ chiếu kiến, chưa chiếu kiến làm sao hết khổ ách, nên tu mà không hết khổ.

Muốn hết khổ phải chiếu kiến năm uẩn: sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Năm uẩn có hai phần: phần vật chất là sắc; phần tâm là thọ, tưởng, hành, thức.

Thân do tứ đại hòa hợp không có tánh thật, đó là chiếu kiến sắc uẩn giai không. Sắc uẩn này không thật tánh nên nói nó là không. Không nhưng do duyên hợp giả có. Cái gì giả thì không quý, thật mới quý. Soi thấy thân tứ đại này tánh không, duyên hợp giả có nên không phải quý.

Thọ uẩn, thọ là những cảm giác nhận được. Nếu ở lưỡi thì thọ vị, thức ăn ngon dở hay không ngon không dở. Thọ có là do thức ăn để vào lưỡi. Lưỡi là căn, thức ăn là trần. Căn trần gặp nhau mới sanh cảm giác ngon, dở, không ngon, không dở. Vậy cảm giác ngon dở không thật. Vì trước khi đưa

thức ăn vào lưỡi, ta có cảm giác gì đâu. Nhờ có thức ăn, nhờ có lưỡi nên ta mới có cảm giác ngon dở, nên cảm giác ngon dở ấy không thật. Vậy mà chúng ta ăn món gì ngon thì khen, dở thì chê, rõ ràng chúng ta làm thọ uẩn là thật. Nếu dùng trí tuệ nhận thấy thọ uẩn do căn trần hợp lại nên có cảm giác. Cảm giác ngon dở nuốt qua liền hết, đâu phải là thật. Nên quán thọ không thật chỉ là giả tướng.

Tưởng uẩn là tưởng những chuyện đã qua hay chưa tới. Do nghĩ chuyện quá khứ, chuyện vị lai rồi tưởng tượng nên hình ảnh dấy khởi. Quá khứ đã qua là đã mất, vị lai chưa đến là không có. Quá khứ đã qua là không, vị lai chưa đến cũng là không, mà tưởng tượng có thật. Nên chiếu kiến tưởng uẩn tánh không, duyên hợp giả có, chỉ bóng chớ có thật đâu. Hiểu như vậy mới biết tưởng uẩn không thật.

Hành uẩn là nghĩ suy của mình. Ví dụ trước khi đi chợ, quý vị tính ra chợ mua hành, mua họ, mua rau cái gì đó... tính rồi đến chợ mới mua. Vậy suy tính nghĩ cái này tới cái kia, giống như từng bước từng bước đi của mình, không có thật. Hành uẩn là những suy tư, nghĩ tính của mình. Sự suy tư, nghĩ tính đó khi gặp duyên thì nó phát ra, hết duyên nó mất. Như vậy hành uẩn sanh diệt như dòng nước chảy không thật. Đó là quán hành uẩn.

Thức uẩn là phân biệt như phân biệt đẹp xấu, trắng đen v. v... Thức uẩn tự nó phân biệt hay phải có duyên tác động mới phân biệt? Trong là mắt, ngoài là sắc trần, sắc trần tiếp xúc với nhãn căn sinh ra nhãn thức phân biệt. Nhĩ thức, thiệt thức v. v... cũng đều như vậy. Nên thức tự nó không có mà phải do căn, trần tiếp xúc mới có nên nó cũng không thật.

Rõ ràng thọ, tưởng, hành, thức là tâm không thật. Sắc do tứ đại hợp cũng không thật. Thấy rõ thân không thật, tâm không thật như trong kinh Viên Giác nói: nếu chấp thân thật, tâm thật là vô minh. Nếu thấy thân không thật, tâm không thật thì hết vô minh. Vô minh hết nên trong kinh nói: "chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách", nghĩa là soi thấy năm uẩn đều không liền qua hết tất cả khổ nạn.

Chúng ta tu mà không chiếu kiến nên tuy tu nhưng vẫn còn khổ nạn. Đọc thuộc lòng Bát-nhã mỗi đêm mà khổ không hết. Bây giờ chúng ta phải khéo dùng trí tuệ chiếu soi năm uẩn không thật, thấy rõ tưởng tận như vậy thì phá được vô minh, liền thoát khỏi sanh tử. Không biết phá vô minh thì mình không bao giờ có. Tụng Bát-nhã là học trí tuệ mà tự mình không có trí tuệ thì chừng nào ra khỏi sanh tử? Đó là điều chúng ta cần phải biết cho thật rõ.

Người tu phải làm sao soi sáng được chính mình, chớ không phải chỉ đọc suông lời của Phật được. Nếu thấy thân năm uẩn là thật thì mê, nếu thấy

thân năm uẩn do duyên hợp hư giả là tỉnh. Giả sử có ai chửi, chúng ta thấy lời chửi của họ cũng không thật nên nhin được. Thân hư giả mà người chấp cho là quý thì mình thương, chớ không giận. Vì vậy Phật thương chúng sanh, thương là thương cái gì? Thương chúng sanh ngu si, cái không thật tưởng là thật, cái không quý tưởng là quý. Cứ như vậy mà trôi mãi trong luân hồi sanh tử.

Khi nào chúng ta tu thấy rõ thân năm uẩn không thật thì qua hết khổ ách. Qua rồi nhìn lại thấy ai còn trong khổ ách mình thương. Thương thì tất nhiên phải độ họ. Lúc đó tình thương khác với thương vì mình hay thương của ái ngã. Thương ái ngã là thương có điều kiện. Khi nào người khác giúp mình, mình mới thương vì thấy thân mình thật. Nếu tỉnh giác rồi, thấy ai mê mình thương đó là lòng thương của từ bi. Từ bi là thương bình đẳng, không có điều kiện.

Nên biết ái ngã làm cho chúng ta có nhiều xấu dở. Thứ nhất, vì ái ngã nên ai giúp cho ngã thì thương. Thứ hai, vì ái ngã nên ai chọc phá ngã thì giận ghét. Thứ ba, vì ái ngã mà cứ nổi tiếp luân hồi, mất thân này chụp thân kia, không có ngày cùng. Nếu chiếu kiến năm uẩn không thật, biết rõ không làm không mê. Lúc nào cũng thấy thân này không thật, hư dối thì tất cả những gì đến với mình, mình đều không khổ. Già không khổ, chết không khổ. Bỏ cái hư giả hoại đi đâu có gì tiếc, còn thấy thân thật thì tất cả khổ theo đó mà còn.

Như vậy tu theo Bát-nhã là chấp không chăng? Ví dụ cái đồng hồ là thật có hay thật không? Thật không thì sao nó có ở đây, nên nói thật không không được. Nếu nói thật có thì khi mở từng phần ra, tìm cái đồng hồ không được. Nên nói thật có không được. Chỉ khi nào duyên hợp thì tạm có, duyên hết hoàn không. Nên nói bản tánh của đồng hồ là không. Nếu đồng hồ có sẵn thì đâu cần đợi duyên hợp. Vì đồng hồ không có sẵn nên nói tánh không. Chứ không là tánh không.

Tôi ví dụ thêm như chỗ này có cái khay là có, chỗ không có khay gọi là trống rỗng. Chỗ này không, chỗ kia có là do mắt thấy. Mắt thấy có không, đó là có không đối đãi. Còn đồng hồ đang có mà nói tánh không, thì biết rõ tánh nó là không, đó là thấy bằng trí tuệ. Tánh không là ngay trong có mà thấy không, chớ không phải đợi không mới thấy không. Vì vậy kinh Bát-nhã nói: "sắc tức thị không". Từ không, do duyên hợp mới có là: "không tức thị sắc". Hiểu như vậy mới hiểu Bát-nhã. Nói không mà không phải thật không, chỉ là không "thể tánh", chớ giả tướng vẫn có. Nói có nhưng là giả tướng nên chẳng phải thật có.

Thân này tánh không hay tánh hữu? Tánh không mà có là vì duyên hợp giả có. Người thấy rõ ràng như vậy tức là có trí tuệ Bát-nhã, có trí tuệ Bát-nhã

là hết khổ. Vậy tu rất dễ, không tốn công bao nhiêu, cũng không phải trèo núi qua sông, lặn lội vô rừng tìm mới có, mà ngay nơi thân này dùng trí tuệ chiếu soi năm uẩn không thật thì qua hết khổ nạn. Qua hết khổ nạn là giải thoát sanh tử.

Cho nên tụng Bát-nhã là để quán chiếu, để thấy rõ thân này từ thể xác đến tinh thần là duyên hợp hư giả không thật. Hiểu không thật rồi, chúng ta mới xem thường, không quý trọng thân nữa. Do không quý trọng thân nên hết ái ngã. Hết ái ngã mới dứt được luân hồi sanh tử. Như vậy người muốn tiến tới giải thoát sanh tử phải thấy rõ năm uẩn đều không.

Thấy được tánh không thì không còn đối đãi. Không đối đãi mới là nghĩa trung đạo, là chân lý. Còn không đối với có là thấy một bên, gọi là biên kiến. Vì vậy nhiều người tu không biết, nên nói tụng Bát-nhã, Kim Cang là chấp không, đó là sai lầm. Chúng ta tu hành phải sáng suốt, nhận cho kỹ, thấy được sự vật hiện có, biết tánh của nó là không, duyên hợp hư giả tạm có thôi. Thấy như vậy là người trí tuệ, trí tuệ là sáng suốt. Ngược lại, không thật mà tưởng thật là si mê, si mê là vô minh.

Muốn phá vô minh phải dùng minh. Trong kinh nói: "căn nhà tối cả ngàn năm, muốn hết tối thì phải thắp đèn lên. Nhà dù tối ngàn năm mà thắp đèn lên thì sáng liền". Cũng vậy chúng ta mê vô lượng kiếp rồi, nhưng bây giờ tỉnh, thì ngay đó là giác, là hết vô minh. Nhà Phật cũng thường nói câu "hồi đầu thị nạn", tức xoay đầu lại là bờ giác chớ không đầu xa. Vì vậy mê thì dẫn đi trong luân hồi sanh tử, giác thì trở lại bờ Niết-bàn.

Tu là hồi đầu, xoay đầu lại. Từ lâu chúng ta mê nên đi trong đau khổ tử sanh, khi tỉnh chúng ta trở lại thì hết đau khổ. Nên tu là giải khổ cho mình, cứu khổ cho chúng sanh. Nếu mình còn khổ thì làm sao cứu khổ cho người được. Nếu hiểu tu là chỉ lo cứu khổ cho chúng sanh nên ai mời làm gì, rước đi đâu cũng nghe theo, đó là họa. Ví dụ cầu an là cứu khổ cho người sống, cầu siêu là cứu khổ cho người chết v. v... nhưng mình chưa hết khổ thì làm sao cứu họ hết khổ được. Muốn cứu khổ cho người trước phải giải khổ cho mình. Mình hết khổ rồi mới cứu khổ cho người được.

Nhiều Phật tử có chuyện buồn, nhờ thầy an ủi khuyên lơn cho bớt buồn bớt khổ. Rồi mai chiều thầy có chuyện buồn Phật tử thấy thương an ủi lại. Như vậy chỉ là sự an ủi lẫn cho nhau chớ không ai hết khổ cả. Cho nên chúng ta tu là phải giải khổ cho mình, giải khổ cho mình rồi mới cứu khổ cho người. Còn chưa tự giải khổ được, mà đi cứu khổ cho người là chuyện không có thật.

Phản chiếu lại để thấy năm uẩn đều không, gọi là "phản quan tự kỷ", nghĩa là soi sáng lại chính mình.

Soi sáng để thấy rõ mình, nên không lầm không chấp. Khi đã sáng rồi, mới chỉ lại cho người khác không lầm không chấp. Ngồi soi sáng lại chính mình là ngồi thiền. Bởi vậy nói thiền quán là ngồi lại để soi sáng chính mình, thấy rõ mình thực hay giả, thấy rõ mình thanh tịnh hay ô uế v.v... Thấy rõ mình như vậy thì mình mới không lầm, không làm mình thì mình mới chỉ cho người khác tu không lầm. Nếu mình không chiếu soi mình, không biết rõ mình thì dạy người là dạy cái gì. Cho nên nhà Phật nói phải luôn quán chiếu, phải soi sáng chính mình hay phản quan tự kỷ. Đó là hướng tu trong nhà Phật thường chỉ dạy.

Cho nên Tăng Ni ở các Thiền viện mỗi đêm phải ngồi thiền để quán chiếu lại mình. Thấy rõ từng tâm niệm của mình không thật, mới dẹp được nó. Còn tưởng nó là đúng, là thật thì không bao giờ dẹp phá được. Không dẹp phá nó được thì phải chịu đi trong luân hồi sanh tử thôi. Như vậy minh là trí tuệ, vô minh là si mê. Trí tuệ là sáng, si mê là tối. Có trí tuệ thì hết si mê. Nhà tối chỉ thắp đèn mới trừ được tối. Chúng ta vì vô minh nên phải sanh tử, muốn hết sanh tử phải phá vô minh. Phá vô minh thì phải dùng trí tuệ.

Khi đã nắm vững đường lối, phương pháp tu chúng ta phải cố gắng tu. Tu cho được giải thoát để cứu độ chúng sanh đó là bản nguyện của tất cả người xuất gia theo Phật vậy.